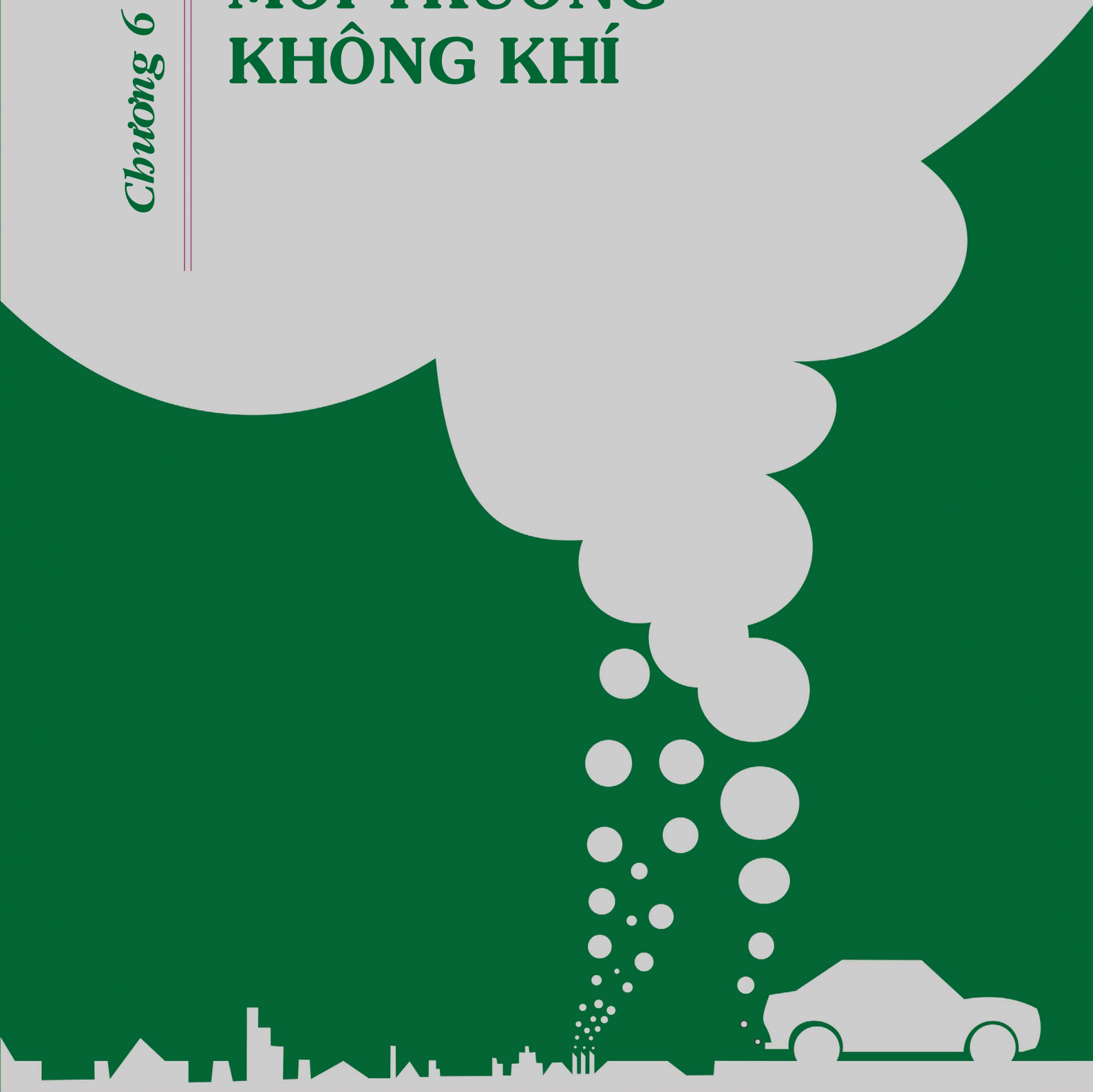


Chương 6

CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ





CHƯƠNG 6

CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

Ô nhiễm không khí là vấn đề phức tạp, có nguyên nhân từ nhiều hoạt động như: xây dựng, sử dụng đất, giao thông, hoạt động dân sinh, công nghiệp, năng lượng, nông nghiệp... Do vậy, việc kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm không khí phải dựa trên việc triển khai đồng bộ các giải pháp.

Việc xây dựng các giải pháp chung, lựa chọn các giải pháp ưu tiên để giải quyết vấn đề ô nhiễm không khí cần thực hiện theo lộ trình chặt chẽ. Chương 6 tập trung đề cập đến các giải pháp bảo vệ môi trường không khí nước ta trong thời gian tới.

6.1. HOÀN THIỆN CÁC THỂ CHẾ VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

6.1.1. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật

Để hoạt động quản lý và kiểm soát chất lượng không khí đạt hiệu quả cần hoàn thiện các cơ chế, chính sách và pháp luật, đặc biệt cần thiết phải xây dựng các văn bản quy định riêng đối với môi trường không khí.

Căn cứ vào những vấn đề nổi cộm và yêu cầu cấp thiết hiện nay về BVMT không khí, cần sớm xây dựng và ban hành Pháp lệnh không khí sạch (hoặc Pháp lệnh kiểm soát ô nhiễm không khí) và các văn bản hướng dẫn.

Xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi, trong đó chi tiết hóa các

điều khoản, trong đó bao gồm các nội dung về quản lý và bảo vệ môi trường không khí.

Nội dung của các văn bản quy định về quản lý chất lượng không khí cần trọng tâm vào kiểm soát, phòng ngừa ô nhiễm không khí do các hoạt động phát triển kinh tế xã hội như sản xuất công nghiệp, hoạt động giao thông vận tải, xây dựng cơ sở hạ tầng để từ đó kiểm soát nguyên nhiên liệu, kiểm soát chặt chẽ các nguồn phát thải.

Tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện một số văn bản còn thiếu hoặc quy định chưa đầy đủ như: quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong công tác quản lý môi trường không khí, tránh chồng chéo; xây dựng các quy chế phối hợp về quản lý chất lượng không khí; nghiên cứu, đánh giá và đề xuất lồng ghép quy định bảo vệ môi trường không khí vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; xây dựng và ban hành các văn bản quy định về kiểm kê nguồn thải; cơ chế công bố thông tin; kế hoạch quản lý môi trường không khí; tăng cường chế tài xử phạt và quy định rõ tiêu chí đánh giá về mức độ ô nhiễm đối với các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT không khí...

Đối với hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, cần tiếp tục xem xét, điều chỉnh để hoàn thiện các quy chuẩn đã ban hành cho phù hợp với yêu cầu thực tế; xây dựng và ban hành quy chuẩn ngành còn thiếu. Một số nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đối với hệ thống quy chuẩn quốc gia về môi trường không khí bao gồm: sửa đổi QCVN về phương



pháp quan trắc khí thải; xây dựng các quy chuẩn khí thải riêng cho từng ngành, loại hình cụ thể; xây dựng quy chuẩn về phát thải hóa chất độc hại cho khí thải...

6.1.2. Sớm xây dựng và triển khai Kế hoạch quản lý chất lượng không khí

Theo kinh nghiệm của nhiều quốc gia trên thế giới đã triển khai, Kế hoạch quản lý chất lượng không khí là nội dung trọng tâm của công tác quản lý môi trường không khí. Vì vậy, Việt Nam cần sớm xây dựng và triển khai Kế hoạch quản lý chất lượng không khí quốc gia, tạo cơ sở để các địa phương xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng không khí ở cấp địa phương.

Ở cấp địa phương, giai đoạn 2007 – 2008, Hà Nội đã được hỗ trợ xây dựng dự thảo Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí nhưng chưa được hoàn thiện và trình ban hành. Chính vì vậy, cần sớm hoàn thành việc xây dựng Kế hoạch và đưa vào thực thi trong thực tế để làm mô hình mẫu cho các đô thị khác tham khảo kinh nghiệm và xây dựng các Kế hoạch tương tự.

6.1.3. Tiếp tục kiện toàn tổ chức quản lý nhà nước về môi trường không khí

Vấn đề hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và tổ chức quản lý môi trường không khí từ cấp Trung ương đến địa phương cần tiếp tục được thúc đẩy thực hiện. Tăng cường vai trò của đơn vị đầu mối quản lý về môi trường không khí, trách nhiệm của các đơn vị tham gia quản lý cả ở cấp Trung ương và địa phương. Theo đó, các Bộ ngành cần tăng cường trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng nhiệm vụ được giao, cụ thể:

Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý thống nhất về bảo vệ môi trường không khí, xây dựng và trình ban hành các văn bản

quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường không khí nói chung; các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường không khí; thẩm định và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bảo vệ môi trường không khí các lĩnh vực trên cơ sở đề xuất của các Bộ chuyên ngành; điều phối hoạt động BVMT không khí của các Bộ ngành và đoàn thể; phối hợp với các Bộ chuyên ngành triển khai thực hiện các chương trình kiểm soát ô nhiễm do khí thải từ các nguồn sản xuất công nghiệp, dịch vụ, giao thông, xây dựng; đẩy mạnh hoạt động kiểm kê nguồn thải, quan trắc và kiểm soát môi trường không khí đô thị, khu vực công nghiệp; tăng cường xây dựng mạng lưới các trạm quan trắc môi trường không khí.

Bộ Giao thông vận tải tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động kiểm soát ô nhiễm khí thải do giao thông, quản lý chất lượng phương tiện giao thông, kiểm soát khí thải từ các phương tiện cơ giới.

Bộ Xây dựng kiểm soát và quản lý chặt chẽ việc phát thải bụi từ các hoạt động xây dựng; quy hoạch, tổ chức và phát triển giao thông đô thị bền vững.

Bộ Công Thương cần đẩy mạnh việc giám sát việc thực hiện các yêu cầu về an toàn vệ sinh, môi trường công nghiệp; ban hành cơ chế khuyến khích hỗ trợ định hướng phát triển công nghiệp thân thiện môi trường, quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp trong đó có ngành công nghiệp môi trường, sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng...

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần rà soát, nghiên cứu và có những điều chỉnh phù hợp đối với quy hoạch phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn gắn liền với công tác BVMT và phải phù hợp với đặc trưng của hoạt động sản xuất làng nghề. Tăng cường triển khai công tác bảo vệ và phát triển rừng.



Bộ Công an phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các địa phương tăng cường công tác đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT của các tổ chức, cá nhân, qua đó phát hiện xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường nói chung, ô nhiễm môi trường không khí nói riêng.

Các Bộ ngành khác theo đúng chức năng nhiệm vụ được giao, thực hiện trách nhiệm cụ thể như: Bộ Tài chính phối hợp xây dựng chế tài xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường không khí và các vấn đề liên quan; Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công thương bảo đảm kiểm soát chất lượng các loại nhiên liệu được sử dụng (xăng, diesel, nhiên liệu sinh học...); Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp xây dựng và triển khai các chương trình, nội dung giáo dục về BVMT nói chung, môi trường không khí nói riêng phù hợp theo từng cấp học; Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các khu kinh tế, thành lập và phát triển doanh nghiệp, trong đó bao gồm vấn đề quản lý công tác BVMT nói chung, môi trường không khí của các đối tượng nêu trên.

Ở cấp địa phương, cần thành lập bộ phận chuyên trách về quản lý môi trường không khí tại đơn vị quản lý nhà nước về môi trường của địa phương; phân công chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm của các Sở ban ngành có liên quan trong quản lý môi trường không khí tương tự như đối với cấp trung ương.

Tăng cường cả về số lượng và chất lượng cán bộ chuyên trách về quản lý môi trường nói chung và cán bộ chuyên trách về quản lý môi trường không khí nói riêng ở các cấp từ Trung ương đến địa phương sao cho phù hợp với điều kiện của từng khu vực.

Tăng cường năng lực và nguồn lực phục vụ công tác tuân thủ và cưỡng chế môi

trường từ cấp trung ương đến địa phương. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, lực lượng thanh tra, kiểm tra, triển khai và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm nhằm bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh luật pháp. Nâng cao năng lực, tăng cường hoạt động quan trắc môi trường không khí xung quanh, quan trắc khí thải và kiểm soát chặt chẽ các nguồn ô nhiễm không khí và tiếng ồn.

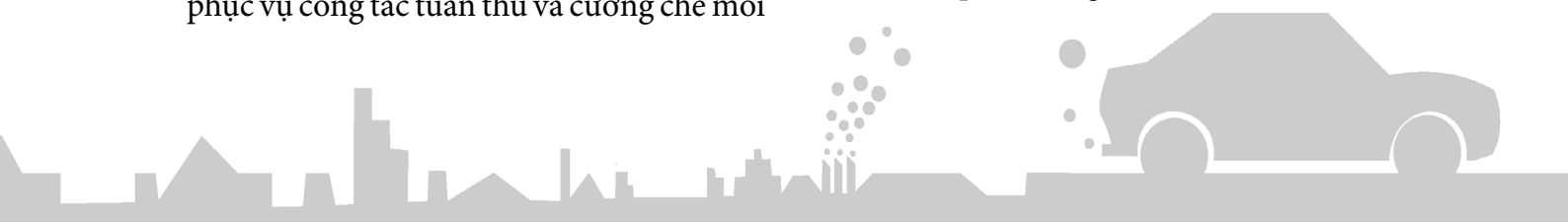
6.2. ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC VÀ KIỂM KÊ NGUỒN THẢI

Tập trung xây dựng mạng lưới quan trắc chất lượng không khí tại các thành phố lớn, khu công nghiệp để giám sát, phát hiện các vấn đề ô nhiễm không khí, hoặc các nguồn khí thải gây ô nhiễm môi trường không khí.

Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, máy móc, thiết bị và công nghệ hiện đại cho trạm quan trắc không khí, đặc biệt là quan trắc bụi và bụi mịn (tập trung cho hệ thống trạm quan trắc không khí tự động, cố định và di động).

Tăng cường việc kết nối, trao đổi thông tin, đặc biệt là kết nối và truyền dữ liệu trực tuyến đối với hệ thống các trạm quan trắc không khí tự động nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý và khai thác, cung cấp thông tin, số liệu về môi trường không khí từ trung ương đến địa phương.

Cũng như quan trắc chất lượng không khí, kiểm kê nguồn phát thải cung cấp các số liệu rất quan trọng cho việc xây dựng các chính sách về môi trường và phát triển bền vững. Cần sớm triển khai rộng rãi trong toàn quốc, đặc biệt trong các khu vực đô thị, việc kiểm kê các nguồn phát thải chất ô nhiễm vào không khí. Trước mắt, cần tập trung kiểm kê khí thải của những ngành có thải lượng lớn như: nhiệt điện, thép, xi măng, hóa chất...



Để triển khai được hoạt động kiểm kê nguồn phát thải khí, cần sớm xây dựng phương pháp, quy trình kiểm kê phát thải khí thống nhất, khả thi trong điều kiện Việt Nam. Đồng thời, cần xây dựng bộ cơ sở dữ liệu đầu vào phục vụ hoạt động kiểm kê nguồn thải cũng như tăng cường năng lực, đào tạo cho các đơn vị tham gia triển khai.

Tăng cường cung cấp, công khai thông tin, số liệu quan trắc môi trường không khí, số liệu kiểm kê nguồn phát thải cho các bộ ngành, địa phương, đơn vị có nhu cầu.

6.3. TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT VÀ GIẢM PHÁT THẢI

6.3.1. Kiểm soát, hạn chế các nguồn gây ô nhiễm bụi tại các đô thị

Kiểm soát chặt chẽ nguồn phát tán bụi tại các đô thị, bao gồm:

- Tăng cường kiểm tra, giám sát các công trình xây dựng nhằm kiểm soát việc phát tán bụi tại các địa điểm thi công xây dựng và trên các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng.

- Quy hoạch hợp lý các tuyến giao thông trong các khu vực nội đô.

- Tiếp tục duy trì và tăng cường phun nước và quét đường, kiểm tra chặt việc rửa sạch, vệ sinh các phương tiện trước khi đi vào khu vực nội đô.

- Tiếp tục khuyến khích cộng đồng dân cư sử dụng các nhiên liệu sạch trong đun nấu.

- Nâng cấp chất lượng đường giao thông đô thị.

- Tăng mật độ cây xanh trong các đô thị: trồng thêm cây trên các đường phố, mở rộng các công viên.

Việc kiểm soát các nguồn phát tán bụi khác được lồng ghép trong các biện pháp dưới đây.

6.3.2. Kiểm soát, giảm phát thải chất ô nhiễm không khí do hoạt động giao thông vận tải

Cần xây dựng một chính sách tổng thể về quản lý giao thông và quản lý bãi đỗ xe. Quy hoạch đô thị tổng thể phải chú trọng đến các vấn đề giao thông, các khu dân cư, công viên cây xanh... Quy hoạch này phải bao gồm cả phát triển các dự án, giải pháp nhằm giải quyết vấn đề tắc đường, giảm bớt tai nạn giao thông, và phát triển hệ thống giao thông công cộng.

Xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách để quản lý hiệu quả và hạn chế số lượng phương tiện giao thông cá nhân (đặc biệt là xe máy và ô tô con); Đề xuất các giới hạn khí thải chặt chẽ hơn đối với xe đang lưu hành tại các đô thị lớn, đô thị đặc biệt.

Xây dựng nhu cầu và xây dựng kế hoạch tổng thể cho hệ thống giao thông công cộng. Tăng cường phương tiện giao thông công cộng (xe buýt, xe điện trên không, xe điện ngầm,...) và các hình thức giao thông không gây ô nhiễm. Khuyến khích sự phát triển của các phương tiện giao thông sử dụng năng lượng sạch như khí thiên nhiên, khí hóa lỏng, cồn nhiên liệu, biodiesel và điện; kiểm soát chặt chẽ chất lượng nhiên liệu điêzen và xăng. Đề xuất các biện pháp để cải thiện giao thông không động cơ.

Tiếp tục áp dụng các biện pháp để giảm, cải thiện tình trạng tắc nghẽn giao thông như bổ sung hệ thống đèn tín hiệu đếm ngược, cầu vượt, đường một chiều...

Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật liên quan đến phát thải của

các phương tiện giao thông, như: triển khai có hiệu quả việc áp dụng tiêu chuẩn Euro 2, 3; khuyến khích các nhà máy sản xuất phương tiện giao thông theo tiêu chuẩn mới, kiểm tra các mẫu xe phù hợp với tiêu chuẩn thải; thực hiện chương trình kiểm tra và bảo dưỡng: Các phương tiện xe cộ đã đăng ký phải được kiểm tra về sự phát thải hàng năm và định kỳ bảo dưỡng xe, đặc biệt đối với xe chạy bằng nhiên liệu điêzen, khuyến khích sử dụng các bộ chuyển đổi chất xúc tác đối với xe chạy bằng nhiên liệu điêzen; tăng cường việc giám sát nhằm loại bỏ xe quá cũ, không đảm bảo chất lượng phương tiện.

6.3.3. Kiểm soát, giảm phát thải chất ô nhiễm không khí do hoạt động sản xuất công nghiệp và làng nghề

Kiểm soát chặt chẽ các ngành công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng và gây ô nhiễm môi trường; cấm các cơ sở sản xuất lạc hậu; bắt buộc các hoạt động sản xuất công nghiệp phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy chuẩn khí thải. Đưa các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật môi trường vào trong các quy định về thiết kế các hạng mục của dự án về sản xuất công nghiệp ngay từ giai đoạn đầu tư, xây dựng.

Đối với các nguồn thải lớn phải lắp đặt hệ thống giám sát khí thải ống khói; lắp đặt và vận hành thường xuyên hệ thống quan trắc tự động liên tục. Các cơ sở phải thực hiện nghiêm túc việc giao nộp báo cáo phát thải hàng năm. Các chủ dự án, cơ sở sản xuất công nghiệp cũng cần kiểm soát chặt chẽ việc phát thải bụi, các khí thải độc hại (dioxin/furan, thủy ngân, VOC...) vào môi trường không khí xung quanh.

Thực hiện các biện pháp cưỡng chế các cơ sở kinh doanh/công nghiệp quy

mô nhỏ và các lò đốt rác thải y tế tuân thủ các quy định kiểm soát chất lượng không khí hiện hành và cung cấp các hướng dẫn để kiểm soát khí thải từ các quá trình sản xuất công nghiệp.

Bên cạnh đó, cũng cần tiếp tục điều chỉnh cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận với các nguồn vốn ưu đãi trong đầu tư lắp đặt và vận hành hệ thống xử lý chất thải (bao gồm khí thải); áp dụng các giải pháp, công nghệ sản xuất sạch hơn; sử dụng nhiên liệu hiệu quả hơn hay thay thế nguồn nhiên liệu ít gây ô nhiễm, sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng;

Kiểm soát các nguồn thải diện bao gồm giảm thiểu khí thải từ hoạt động xử lý (đốt) chất thải rắn và rơm rạ. Đặc biệt, cần tập trung vào việc: xây dựng các chính sách ưu đãi và tổ chức thực hiện việc thu gom và xử lý chất thải rắn tổng thể; thúc đẩy các công nghệ tiên tiến chế biến rơm rạ sau mùa vụ có thể tạo ra nhiên liệu sạch hơn; nghiên cứu ứng dụng trên diện rộng việc sản xuất các chế phẩm từ chất thải của hoạt động trồng trọt và chăn nuôi (rơm rạ, phân gia súc, gia cầm) nhằm giảm thiểu ô nhiễm khói mù và ô nhiễm mùi tại khu vực nông thôn.

Yêu cầu các địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện các quy định về BVMT làng nghề đã được quy định tại Thông tư 46/2011/TT-BTNMT. Trong đó có các quy định cụ thể về thực hiện ĐTM, cam kết BVMT, áp dụng các biện pháp xử lý đối với các cơ sở trong làng nghề thuộc nhóm có tiềm năng gây ô nhiễm môi trường cao...

Tăng cường các biện pháp thanh tra, kiểm tra hoạt động bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất công nghiệp, làng nghề; các biện pháp cưỡng chế, xử lý ô nhiễm triệt để.



6.4. ĐẨY MẠNH NHÓM GIẢI PHÁP XANH

6.4.1. Tăng cường thực thi chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng

Mặc dù chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng đã được khẳng định là chính sách hiệu quả, góp phần quan trọng thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng, giảm tỷ lệ phát thải khí nhà kính, điều hòa không khí... tuy nhiên, việc thực hiện ở một số địa phương còn hạn chế. Để khắc phục vấn đề nêu trên, cần đẩy mạnh, tăng cường hơn nữa việc thực thi chính sách, cụ thể:

- Sớm thành lập và đưa vào hoạt động Quỹ chi trả dịch vụ môi trường rừng tại các tỉnh có nguồn thu từ dịch vụ này nhưng chưa triển khai thực hiện;

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức từ chính các nhà quản lý môi trường ở các cấp cho đến các đơn vị cung ứng, sử dụng dịch vụ môi trường rừng;

- Bố trí nguồn ngân sách, cân đối các nguồn vốn thông qua các chương trình, dự án và huy động các nguồn kinh phí khác để thực hiện, hoàn thành công tác rà soát, xác định diện tích rừng đến từng chủ rừng phục vụ chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng;

- Tăng cường công tác kiểm tra và giám sát quá trình thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

6.4.2. Thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ trong Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh và phát thải carbon thấp

Nghiên cứu, ứng dụng ngày càng rộng rãi công nghệ tiên tiến nhằm sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, giảm cường độ phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu;

Xây dựng lối sống thân thiện với môi trường thông qua tạo nhiều việc làm từ các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ xanh và đầu tư vào vốn tự nhiên, phát triển hạ tầng xanh;

Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo theo lộ trình: giai đoạn 2011 – 2020, giảm cường độ phát thải khí nhà kính 8 – 10% so với mức phát thải năm 2010; đến năm 2030, giảm mức phát thải khí nhà kính mỗi năm ít nhất 1,5 – 2%...;

Thực hiện chiến lược xanh hóa sản xuất thông qua việc rà soát, điều chỉnh những quy hoạch ngành hiện có, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh với cơ cấu ngành nghề, công nghệ, thiết bị đảm bảo nguyên tắc thân thiện với môi trường;

Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững.

6.5. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HỖ TRỢ KHÁC

6.5.1. Tăng cường hiệu quả sử dụng công cụ kinh tế và vấn đề đầu tư tài chính

Sớm hình thành hệ thống công cụ kinh tế để quản lý chất lượng không khí theo cơ chế “người gây ô nhiễm phải trả tiền”, áp dụng triệt để đối với các thành phần kinh tế có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường không khí như sản xuất kim loại, nhiệt điện, hóa chất, sản xuất xi măng vật liệu xây dựng, thực phẩm... Nghiên cứu xây dựng cơ chế trao đổi hạn ngạch khí thải công nghiệp, dịch vụ. Phí bảo vệ môi trường đối với khí thải hiện đang được Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu để trình Chính phủ ban hành, vấn đề đặt ra là xây dựng các tài liệu hướng dẫn tính toán, áp dụng loại phí như một công cụ hữu ích trong quản lý chất lượng không khí, như tính

toán định mức phát thải, hệ số phát thải, trước mắt có thể tính toán và áp dụng thử nghiệm với một số lĩnh vực đặc thù trước khi phổ biến...

Tăng cường các nguồn lực tài chính, đa dạng hóa các nguồn đầu tư, tăng cường kinh phí cho quản lý môi trường không khí, đặc biệt là hình thành hệ thống công cụ kinh tế như phí bảo vệ môi trường đối với khí thải, thuế bảo vệ môi trường đối với một số mặt hàng như xăng dầu, phương tiện giao thông, xây dựng cơ chế trao đổi hạn ngạch khí thải giữa các doanh nghiệp...

Tăng tỷ lệ chi cho BVMT không khí từ các nguồn ngân sách, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức.

Các địa phương cần phân định rõ và sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích kinh phí BVMT không khí lấy từ nguồn 1% chi ngân sách cho môi trường hàng năm.

Tìm kiếm nguồn kinh phí từ các tổ chức quốc tế và các nước cho các hoạt động quản lý và bảo vệ chất lượng không khí. Xây dựng danh sách các dự án ưu tiên về BVMT không khí để tranh thủ sự hỗ trợ ODA.

Tăng cường việc vận hành, áp dụng Cơ chế phát triển sạch (CDM).

6.5.2. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ

Tăng cường các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực liên quan đến môi trường không khí như nâng cao chất lượng nhiên liệu, quan trắc môi trường, cải tiến động cơ phương tiện giao thông...

Nghiên cứu và có những đề xuất phù hợp đối với việc ứng dụng sản xuất

sạch hơn, các công nghệ xử lý khí thải tiên tiến, phù hợp với điều kiện Việt Nam. Tiến hành kiểm toán sản xuất sạch hơn trong các ngành công nghiệp (thép, xi măng, hóa chất, hóa dầu...)

Tăng cường các hoạt động nghiên cứu về các ảnh hưởng của ô nhiễm không khí đến sức khỏe con người, phát triển KT-XH và đánh giá thiệt hại để đề ra các biện pháp phù hợp nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng và sự phát triển bền vững của đất nước.

6.5.3. Tăng cường sự tham gia của cộng đồng

Tiếp tục mở rộng các hình thức tuyên truyền, phổ biến thông tin cho cộng đồng về chất lượng môi trường không khí xung quanh đối với sức khỏe của cộng đồng cũng như ảnh hưởng của nó tới chất lượng sống. Đồng thời, xây dựng các cơ chế cụ thể để thu hút sự ủng hộ, tham gia của cộng đồng trong các quá trình xây dựng quy hoạch, lập kế hoạch và triển khai các biện pháp BVMT không khí.

Tăng cường tham vấn cộng đồng trong công tác BVMT không khí. Phát huy vai trò kiểm tra, kiểm soát của cộng đồng đối với các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường không khí.

Công khai thông tin, phổ biến thông tin cộng đồng: xây dựng các chương trình định kỳ công khai thông tin về những thành phố có chất lượng không khí tốt nhất và những thành phố có chất lượng không khí xấu nhất (sử dụng chỉ số chất lượng không khí (AQI) để đánh giá); Thông qua các phương tiện truyền thông, công khai thông tin ĐTM của các dự án mới xây dựng và các thông tin liên quan đến môi trường khác.



6.5.4. Tăng cường hợp tác quốc tế

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế, có tầm ảnh hưởng trên thế giới để tăng cường nguồn vốn, trao đổi kinh nghiệm triển khai và các phương án áp dụng công nghệ hiện đại phục vụ công tác quản lý và bảo vệ môi trường không khí. Tận dụng các cơ hội toàn cầu như cơ chế phát triển

sạch (CDM), tham gia các nghị định thư, công ước, hiệp ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm không khí, giảm thiểu phát thải khí nhà kính...

Phối hợp chặt chẽ với các quốc gia trong khu vực đối với vấn đề quản lý ô nhiễm xuyên biên giới nói chung, ô nhiễm không khí xuyên biên giới nói riêng.

